

Số: 3210/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Cẩm nang Tín dụng dùng cho vay hộ trồng rừng trong Dự án Phát triển Ngành Lâm nghiệp phê duyệt theo Quyết định số 247/QĐ-NHCS ngày 25/01/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hiệp định Tín dụng Phát triển số 3953-VN ký ngày 4/4/2005 và Hiệp định Tài trợ bổ sung số 5070-VN giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thế giới, ký ngày 15/6/2012;

Căn cứ Hiệp định vay phụ số 3953-VN ký ngày 28/4/2005 và Hiệp định vay phụ số 5070-VN ký ngày 26/11/2012 cho Khoản tài trợ bổ sung giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Cẩm nang Tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội dùng cho vay hộ trồng rừng trong Dự án Phát triển Ngành Lâm nghiệp phê duyệt theo Quyết định số 247/QĐ-NHCS ngày 25/01/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ văn bản 6612/BNN-VP ngày 14/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc giải ngân nguồn vốn tín dụng quay vòng của dự án FSDP;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Tín dụng Học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Cẩm nang Tín dụng dùng cho vay hộ trồng rừng trong Dự án Phát triển Ngành Lâm nghiệp phê duyệt theo Quyết định số 247/QĐ-NHCS ngày 25/01/2013 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo nội dung như sau:

1. Sửa đổi điểm 8, điểm 10 và điểm 12 khoản 8 mục II Phần B như sau:

• Phương án sử dụng vốn vay phù hợp với diện tích đất lâm nghiệp hiện có của hộ, có hiệu quả, đảm bảo khả năng trả nợ. Việc trồng, chăm sóc rừng phù hợp với mô hình trồng rừng đề xuất của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

cung cấp từng thời kỳ, hiện nay là các mô hình trồng rừng đề xuất đã ban hành tại Cẩm nang tín dụng ban hành theo Quyết định Quyết định số 247/QĐ-NHCS ngày 25/01/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH.

- Đối với trường hợp vay vốn để tiếp tục trồng, chăm sóc rừng đã được trồng trước đây hoặc rừng đã nhận chuyển nhượng thì diện tích rừng đã trồng trước đây đã được kiểm tra bởi cán bộ NHCSXH hoặc bởi đơn vị được NHCSXH ủy nhiệm, ủy thác.

- Đối với trường hợp hộ đã trồng rừng sản xuất gỗ ván dăm hiện tại (luân kỳ thông thường 7 năm), kéo dài thêm thời gian chăm sóc nuôi dưỡng bảo vệ để chuyển thành rừng trồng lấy gỗ xẻ (luân kỳ 15 năm) được xem xét cho vay bổ sung với tổng thời hạn cho vay tối đa là 15 năm và đáp ứng thêm điều kiện so với các trường hợp trên, đó là:

- Được kiểm tra tối thiểu 2 lần bởi cán bộ NHCSXH hoặc của đơn vị được NHCSXH ủy nhiệm, ủy thác (đối với cho vay bổ sung với mô hình chuyển đổi).

2. Sửa đổi ý 1 điểm 11.3 khoản 11 mục II Phần B như sau:

- Mức lãi suất cho vay hiện tại là 0,55%/tháng;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 mục II Phần B như sau:

“13.1. Trường hợp vay để trồng mới rừng:

- Số tiền cho vay sẽ được giải ngân trong 2 năm đầu của quá trình trồng rừng với tỷ lệ các năm như sau:

- Lần thứ nhất: tối đa 50%;

- Lần thứ hai: số tiền duyệt cho vay còn lại.

Trường hợp hộ trồng rừng có diện tích đến 1 ha Ngân hàng có thể giải ngân gộp cả 2 đợt trong 1 lần, khi đó người vay phải đáp ứng điều kiện: rừng trồng đã được kiểm tra bởi cán bộ NHCSXH hoặc bởi đơn vị được NHCSXH ủy nhiệm, ủy thác; đảm bảo đủ các điều kiện và hồ sơ giải ngân cả 2 lần theo quy định của Cẩm nang tín dụng Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp.

13.2. Trường hợp vay vốn để tiếp tục trồng và chăm sóc rừng trồng (chỉ xem xét trong vòng 2 năm đầu của quá trình trồng rừng):

Số tiền cho vay được giải ngân làm một hoặc hai lần trên cơ sở: số năm còn lại của quá trình trồng rừng.

Ví dụ: hộ dân bắt đầu trồng rừng từ ngày 05/10/2007, trong năm trồng rừng đầu tiên (từ 05/10/2007 đến 04/10/2008) hộ dân chưa có nhu cầu vay hoặc chưa vay, vào năm trồng rừng thứ hai (từ 05/10/2008 đến 04/10/2009) người trồng rừng mới đề nghị vay để thực hiện tiếp quá trình trồng và chăm sóc: trường hợp này chỉ giải ngân 1 lần, số tiền cho vay được giải ngân tương ứng với số tiền giải ngân quy định tại tiết 13.1 điểm 13 mục này và tổng số tiền phê duyệt cho vay tối đa bằng 50% mức cho vay tối đa theo quy định tại điểm 7 mục này.

13.3. Trường hợp cho vay vốn bổ sung đối với mô hình chuyển đổi: Số tiền cho vay sẽ được giải ngân thành 2 lần:

- Giải ngân lần 01: 50% số vốn vay khi hoàn thành hồ sơ
- Giải ngân lần 02: số vốn còn lại sau khi được kiểm tra bởi cán bộ NHCSXH hoặc bởi đơn vị được NHCSXH ủy nhiệm, ủy thác.

4. Sửa đổi, bổ sung ý 3 và ý 5 điểm 14.1 khoản 14 mục II Phần B như sau:

▪ Rừng trồng đã được kiểm tra bởi cán bộ NHCSXH hoặc của đơn vị được NHCSXH ủy nhiệm, ủy thác. Trước khi giải ngân lần thứ hai (đối với cho vay để trồng mới) hoặc lần giải ngân đầu tiên (đối với cho vay rừng đã trồng) hoặc đã được kiểm tra lần thứ 2 trở lên bởi cán bộ NHCSXH hoặc của đơn vị được NHCSXH ủy nhiệm, ủy thác (đối với cho vay bổ sung với mô hình chuyên đổi);

▪ Giải ngân lần thứ 2 (đối với cho vay để trồng mới), người vay phải xuất trình cho NHCSXH nơi cho vay giấy tờ chứng minh đã mua cây giống của các đơn vị cung cấp cây giống hợp pháp do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thông báo hàng năm, ngân hàng nơi cho vay phê duyệt để lưu vào hồ sơ cho vay.

5. Bỏ điểm 1 khoản 15 mục II Phần B “Trong giai đoạn rút vốn ... triển khai thực hiện”

6. Bỏ điểm 1, điểm 2 và điểm 3 khoản 16 mục II Phần B

7. Sửa đổi, bổ sung điểm 3 khoản 2 Phần C như sau:

▪ Cung cấp thông tin và phối hợp với các bên có liên quan: NHCSXH, Tổ trưởng Tổ TK&VV, Tổ chức chính trị - xã hội,...

8. Sửa đổi, bổ sung điểm 2 khoản 3 Phần C như sau:

- Xác nhận cho người vay về các nội dung sau:
 - Đang cư trú hợp pháp tại xã;
 - Có kinh nghiệm trồng rừng;
 - Chấp hành tốt các quy định của pháp luật tại địa phương, không mắc các tệ nạn xã hội.
- Các trường hợp xác nhận khác khi người vay đề nghị được gia hạn nợ, định lại kỳ hạn nợ và xử lý nợ bị rủi ro theo quy định.

9. Bỏ khoản 4 và khoản 5 Phần C (Ban quản lý dự án huyện và Tổ công tác Dự án xã)

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Phần E như sau:

”2. Các trường hợp người vay không phải thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản: là các trường hợp người vay tham gia Tổ TK&VV và đề nghị vay đến 50 triệu đồng.

Đối với các trường hợp này khách hàng phải:

▪ Giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho NHCSXH giữ trong suốt thời gian còn nợ vay NHCSXH theo Dự án

- Cam kết dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm trả nợ vay cho NHCSXH.

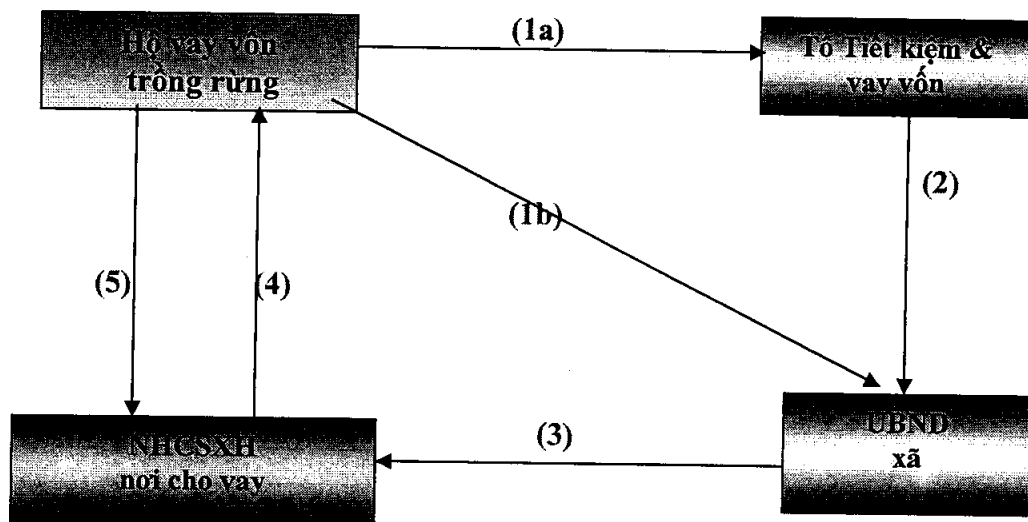
3. Các trường hợp người vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản:

- Người vay không tham gia Tổ TK&VV;

- Người vay tham gia Tổ TK&VV nhưng có số tiền đề nghị vay vượt quá 50 triệu đồng hoặc tổng của dư nợ vay theo Dự án hiện tại cộng (+) với số tiền đề nghị vay lần này vượt quá 50 triệu đồng.”

11. Sửa đổi, bổ sung mục I Phần H như sau:

I. Sơ đồ tóm tắt các bước cho vay:



12. Bỏ khoản 3 mục I Phần H “Tổ/Người vay gửi hồ sơ đề nghị vay vốn đến BQL Dự án huyện để xác nhận”.

13. Bỏ ý 1, ý 3 điểm 2.2 khoản 2 mục III Phần H “Đơn xin chuyển đổi mục đích kinh doanh rừng trồng (mẫu 25/FSDP); Hồ sơ thiết kế kỹ thuật nuôi dưỡng rừng trồng đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh thẩm định, phê duyệt”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 mục III Phần H như sau:

“1. Xác nhận của UBND xã

- Tổ trưởng Tổ TK&VV gửi Danh sách các hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH kèm bộ hồ sơ đề nghị vay vốn của các hộ là thành viên của Tổ TK&VV tới Ban giảm nghèo cấp xã để trình UBND xã xác nhận;

- Người vay không tham gia Tổ TK&VV thì trực tiếp gửi bộ hồ sơ đề nghị vay vốn tới UBND xã xin xác nhận;

- UBND xã xác nhận vào Danh sách các hộ gia đình đề nghị vay vốn (đối với hộ tham gia Tổ TK&VV); hoặc xác nhận vào Giấy đề nghị vay vốn

kiêm phương án sử dụng vốn vay (đối với hộ không tham gia Tổ TK&VV). Nội dung xác nhận gồm:

- Đang cư trú hợp pháp tại xã;
- Có kinh nghiệm trồng rừng;
- Chấp hành tốt các quy định của pháp luật tại địa phương, không mắc các tệ nạn xã hội”.

15. Bổ khoản 6 mục III Phần H “Xác nhận của Ban quản lý dự án huyện”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 mục III Phần H như sau:

“8. Thẩm định tín dụng

Trên cơ sở ý kiến bình xét của Tổ TK&VV, xác nhận của UBND xã, NHCSXH nơi cho vay thực hiện:

8.1. Đối với trường hợp người đề nghị vay vốn có tham gia Tổ TK&VV và có số tiền đề nghị vay lần này đến 50 triệu đồng hoặc có tổng dư nợ vay hiện tại + số tiền đề nghị vay lần này đến 50 triệu đồng:

Thực hiện kiểm soát trước từng trường hợp:

- Kiểm tra, đối chiếu với từng điều kiện vay vốn Dự án;
- Đối chiếu danh sách đề nghị vay vốn với danh sách hộ khi tham gia Tổ TK&VV (trong bộ hồ sơ Tổ TK&VV lưu tại NHCSXH);
- Đối tượng, mức vay, thời hạn có đúng quy định tín dụng của Dự án không?
- Tính hợp lệ và hợp pháp của bộ hồ sơ.
- Căn cứ phương án sử dụng vốn của từng hộ, xác định số kỳ giải ngân và số tiền giải ngân từng kỳ;

Có thể tiến hành kiểm tra lại một số thông tin, hoặc thẩm định các trường hợp xét thấy cần thiết (do Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định). Nếu tiến hành thẩm định thì kết quả thẩm định thể hiện tại Báo cáo thẩm định (mẫu 02/FSDP);

8.2. Đối với trường hợp người vay không tham gia Tổ TK&VV hoặc người vay có tham gia Tổ TK&VV nhưng có số tiền đề nghị vay lần này trên 50 triệu đồng hoặc có tổng dư nợ vay hiện tại + số tiền đề nghị vay lần này trên 50 triệu đồng, ngân hàng nơi cho vay căn cứ vào hồ sơ do người vay gửi đề:

- Thực hiện thẩm định từng trường hợp;
- Kết quả thẩm định thể hiện tại Báo cáo thẩm định hoặc tái thẩm định (mẫu 02/FSDP).”

17. Bổ khoản 13 mục III Phần H “Sao kê Khế ước nhận nợ, Sổ vay vốn đã giải ngân”

18. Sửa đổi, bổ sung phần K như sau:

“K. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

Việc hạch toán kế toán thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1.1 mục 1 Phần L như sau:

1.1. Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, NHCSXH nơi cho vay kiểm tra độc lập hoặc phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cho vay tại địa phương, Tổ TK&VV, UBND cấp xã (trường hợp cần thiết): tiến hành kiểm tra quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng, đôn đốc khách hàng thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết đã thỏa thuận trong Khế ước nhận nợ, sổ vay vốn.

20. Sửa đổi, bổ sung ý 1 khoản 1.2 mục 1 Phần L như sau:

1.2. Các nội dung kiểm tra:

Thực hiện độc lập hoặc phối hợp với đơn vị được ủy thác, ủy nhiệm, trường hợp cần thiết có thể phối hợp với UBND cấp xã. Các nội dung kiểm tra gồm:

- Kiểm tra loài cây trồng theo mục đích vay vốn được duyệt.
- Kiểm tra nguồn gốc cây trồng: có mua của các đơn vị cung cấp cây giống hợp pháp không?

21. Sửa đổi điểm 1 khoản 1 Phần M như sau:

• Cho vay trồng rừng thương mại là dự án thuộc loại này đầu tiên của WB thực hiện ở Việt Nam, hơn nữa giá trị khoản cho vay có thể rất lớn (có thể lên đến 400 triệu đồng), thời gian dài (có thể lên đến 15 năm), thời gian ân hạn lớn (tối đa là 5 năm), rừng trồng phụ thuộc nhiều điều kiện tự nhiên (thiên tai, cháy rừng, bệnh dịch đối với cây trồng), sự biến động giá cả và các chi phí đầu vào, đầu ra. Do vậy, có thể nói: cùng với rủi ro của tự bản thân hoạt động tín dụng, cho vay theo dự án của NHCSXH chứa đựng những rủi ro nhất định.

22. Bỏ mẫu số 23/FSDP, mẫu số 24/FSDP và mẫu số 25/FSDP trong Phần N “Mẫu biểu cho vay”.

23. Bỏ khoản 1 mục II Phần O “Các báo cáo định kỳ”.

24. Sửa đổi khoản 3 mục II Phần O như sau:

Hàng năm, vào ngày 30 tháng 6, NHCSXH nơi cho vay thực hiện sao kê kế hoạch khế ước đến hạn trả gốc mẫu số 22b/FSDP được tổng hợp từ Sao kê của các phòng giao dịch trực thuộc theo mẫu 22a/FSDP gửi Ban Kế hoạch nguồn vốn tổng hợp.

Ngoài báo cáo định kỳ theo mẫu trên, hàng năm Chi nhánh thực hiện Dự án phải có báo cáo bằng văn bản đánh giá chung về thực hiện dự án trong năm trên địa bàn. Báo cáo này phải phản ánh được các nội dung cơ bản như: các công việc đã thực hiện, các kết quả đạt được, tiến triển của dự án, các vấn đề phát sinh, những thuận lợi, khó khăn và tồn tại, những đề xuất kiến nghị. Báo cáo này yêu cầu báo cáo bằng văn bản.

25. Bỏ khoản 4 mục II Phần O “Cách thức lập báo cáo”.

26. Bỏ điểm 5.1 khoản 5 mục II phần O “Tại Phòng giao dịch huyện”.

27. Sửa đổi, bổ sung điểm 5.2 và 5.3 khoản 5 mục II phần O như sau:

“5.2 Tại chi nhánh NHCSXH tỉnh, thành phố

Hàng năm, chi nhánh NHCSXH thực hiện Dự án phải có báo cáo bằng văn bản đánh giá chung về thực hiện dự án trong năm trên địa bàn.

5.3 Tại Hội sở chính

- Tổng hợp báo cáo từ chi nhánh thực hiện dự án

- Ban Kế hoạch và Nguồn vốn của NHCSXH tại Hội sở chính sẽ thông báo kế hoạch cho vay vốn từ quỹ quay vòng của Dự án Phát triển Lâm nghiệp hàng năm cho Ban quản lý dự án của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn”.

28. Bỏ điểm 6.1 khoản 6 mục II phần O “Đối với báo cáo hàng tháng”

29. Bỏ mục III Phần O “Hướng dẫn tạo lập và tổng hợp báo cáo”.

30. Sửa đổi mục 4 Phần R như sau:

4. Quản lý dự án ở cấp quốc gia

Ban chỉ đạo dự án Quốc gia (BCĐ DA QG) liên bộ, do Bộ NN&PTNT chủ trì nhằm chỉ đạo về mặt chính sách tổng thể và đánh giá định kỳ việc thực hiện dự án.

31. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2.5, khoản 2.2 mục 2 Phần S như sau:

2.2.5. Mô hình 5: Chuyển đổi rừng trồng trồng cây mọc nhanh chu kỳ ngắn thành rừng trồng chu kỳ dài.

Chuyển đổi rừng trồng sản xuất các loài cây mọc nhanh chu kỳ ngắn (luân kỳ thông thường 7 năm), kéo dài thêm thời gian chăm sóc, quản lý bảo vệ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật nuôi dưỡng rừng (tỉa thưa, chặt nuôi dưỡng, vệ sinh rừng...) để chuyển thành rừng trồng các loài cây mọc nhanh chu kỳ dài nhằm sản xuất gỗ xẻ có đường kính từ 20 cm trở lên. Luân kỳ từ 10 đến 15 năm; thời gian trả nợ là 15 năm.

Thực hiện chuyển đổi rừng trồng theo Mô hình 05 sẽ chỉ thực hiện trên những diện tích rừng trồng trước đây của dự án, đảm bảo tuân thủ về mặt môi trường và kỹ thuật theo quy định của dự án đã ban hành.

Dưới đây là quy định chi tiết về tiến hành tỉa thưa rừng trồng:

Biện pháp tỉa thưa chỉ nên được thực hiện với rừng trồng có mục tiêu là sản xuất gỗ xẻ.

a. Thời điểm tỉa thưa

* Tỉa thưa lần 1:

(1) Rừng khép tán:

Độ khép tán đạt 100% theo cấp đất khác nhau dựa trên chiều cao ưu thế bình quân của lâm phần Keo lai:

(đơn vị: cây/ha)

Tuổi (năm)	Cấp đất I	Cấp đất II	Cấp đất III	Cấp đất IV
01	1.876	2.047	2.231	2.532
02	1.263	1.371	1.511	1.683
03	1.065	1.152	1.272	1.425
04	961	1.042	1.146	1.288
05	896	972	1.070	1.204
06	853	924	1.016	1.146
07	819	887	976	1.101
08	793	860	947	1.065

(2) Tăng trưởng tiết diện ngang ngực suy giảm: Thời gian để tiến hành tỉa thưa là khi mức tăng trưởng bình quân hàng năm của tiết diện ngang ngực bắt đầu suy giảm.

Tuổi rừng vào lúc tăng trưởng tiết diện ngang ngực hàng năm là cao nhất (Mật độ trồng ban đầu là 1.650 cây/ha):

(đơn vị: năm tuổi)

Loài	Cấp đất I	Cấp đất II	Cấp đất III	Cấp đất IV
Keo lai	4	4	4	5
Keo tai tượng	4	5	5	6
Bạch đàn Urô	6	7	9	10

(*) Ở mật độ cao hơn, tăng trưởng tiết diện ngang ngực đạt sẽ đến sớm hơn từ 1-2 năm so với số liệu ở bảng trên.

* Tỉa thưa lần 2:

Tỉa thưa lần 2 được đề xuất thực hiện khi rừng được 7 – 8 năm, hoặc 3 – 4 năm sau khi tỉa thưa lần 1.

* Khai thác cuối cùng dự kiến thực hiện khi rừng đạt 12 – 15 tuổi, cho sản lượng chủ yếu là gỗ xẻ.

b. Chế độ tỉa thưa

Chế độ tỉa thưa rừng Keo ở cấp đất I & II, mật độ trồng ban đầu 1.650 cây/ha, tỷ lệ cây sống đạt 80% trở lên:

Lần tỉa thưa	Tuổi (năm)	Chiều cao bq (m)	Đường kính bq (cm)	Số cây/ha trước khi tỉa	Số cây giữ lại
Lần 1	4	12-14	9,8-11,2	1.320	825-900
Lần 2	7-8	16-20	14-16,6	825-900	450-500
Khai thác	12-15	22-23	21-25	450-500	0

(1) Tỉa thưa lần 1: số cây giữ lại khoảng 50% - 54% số cây trồng ban đầu. Hầu hết số cây được tỉa thưa đều đủ lớn đạt đường kính để cung cấp gỗ nguyên liệu bột giấy.

(2) Tỉa thưa lần 2: cốt yếu là tỉa thưa có chọn lọc để giữ lại từ 450 – 500 cây tốt nhất/ ha cho khai thác cuối cùng. Ít nhất có 50% số lượng cây tỉa thưa đạt đường kính gỗ xẻ, số còn lại là cho nguyên liệu bột giấy.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng đối với các khoản giải ngân cho vay kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 669/QĐ-NHCS ngày 20/3/2014 và Quyết định số 2938/QĐ-NHCS ngày 20/8/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Cẩm nang Tín dụng dùng cho vay hộ trồng rừng trong Dự án Phát triển Ngành Lâm nghiệp phê duyệt theo Quyết định số 247/QĐ-NHCS ngày 25/01/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH.

2. Đối với Khế ước nhận nợ, số vay vốn đã ký trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì việc quản lý, thu hồi nợ được thực hiện theo nội dung đã ký đến khi thu hồi hết khoản nợ này.

Điều 3. Các Ban tại Hội sở chính, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Đào tạo, Sở Giao dịch, chi nhánh NHCSXH các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thanh Hoá và Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo);
- Tổng Giám đốc;
- Trưởng BKS HĐQT;
- Các Phó TGĐ, KTT;
- BQL các DALN - Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TDSV.



Nguyễn Văn Lý